

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PRIME NGÓI VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 / BC-NV

Bình Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Prime Ngói Việt
- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, xã Bình Nguyên, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại: 0211. 3597696 Fax: 0211.3597702
- Người đại diện: Ông Phạm Minh Giang – Giám đốc công ty
- + *Loại hình sản xuất*: sản xuất ngói lợp và gạch Cotto. Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

Quy mô công suất:

- + Sản xuất ngói lợp: Công suất 2,2 triệu m² sản phẩm/năm
- + Sản xuất gạch Cotto: Công suất 500.000 m² sản phẩm/năm
- + Cho thuê văn phòng, nhà xưởng dư thừa: Diện tích 28.000 m²
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên.

Giấy đăng ký kinh doanh: 8782042877 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc cấp ngày 01/03/2024.

Mã số thuế: 2500239985

- Giấy phép môi trường đã được cấp: Quyết định số: 2306/GPMT-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 23 tháng 10 năm 2023;

- Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt báo cáo tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch cotto của công ty cổ phần Prime Ngói Việt tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2030/GXN-STNMT ngày 31 tháng 07 năm 2020 của Sở tài nguyên và môi trường Vĩnh Phúc dự án “ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ngói và sản xuất gạch cotto” của công ty cổ phần Prime Ngói Việt

- Chứng nhận đạt Tiêu chuẩn ISO 14001:2015 số MT 276/3.24.20

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

STT	Sản phẩm	Đơn vị/năm	Khối lượng năm 2025	Khối lượng năm gần nhất (2024)
1	Sản phẩm ngói chính	m ²	1.827.946	1.824.502
2	Sản phẩm ngói phụ kiện	viên	2.112.279	2.033.587

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

STT	Chi tiết	Đơn vị/năm	Khối lượng năm 2025	Khối lượng năm gần nhất (2024)
1	Than	kg	8.513.323	8.296.584
2	Điện	KWh	7.159.267	5.803.500
3	Nước	m ³	5.661	7.069

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

Nguồn phát sinh nước thải bao gồm 2 loại là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất, cả hai loại nước thải này đều được thu hồi để tái sử dụng sản xuất. Nước thải sinh hoạt của Công ty sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được thu gom vào trạm xử lý nước thải sinh hoạt (có công suất xử lý 150m³/ngày đêm) của Công ty Cổ phần Prime Tiên Phong để xử lý, sau đó được Công ty Tiên Phong thu hồi và tái sử dụng 100% vào quá trình sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh: được thu gom đưa vào bể tự hoại 4 ngăn để xử lý sơ bộ.

+ Nước thải từ khu vực nhà bếp, khu vực rửa chân tay: được thu gom qua song chắn rác sau đó đưa vào bể tách dầu mỡ 18m³.

Hai nguồn nước thải sinh hoạt này sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý tập trung của Công ty CP Prime Tiên Phong để xử lý.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn làm mát và gột rửa trạm khí than; từ phòng công nghệ + dây chuyền phun tráng men; từ quá trình đập bụi tháp sấy phun được thu gom bằng các đường ống công nghệ và rãnh xây về công trình xử lý. Sau đó, nước thải được tuần hoàn toàn bộ vào sản xuất.

- Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Công ty thực hiện đầu nối nước thải với Công ty TNHH Đầu tư xây dựng An Thịnh Vĩnh Phúc

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

* Nguồn phát sinh:

- Nguồn 1: Bụi phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất và si lô liệu;
- Nguồn 2: Khí thải phát sinh từ các lò sấy ngói mộc, lò sấy trước nung và lò nung ngói;

- Nguồn 3: Bụi phát sinh từ khu vực trạm than và lò hơi tăng sôi;

- Nguồn 4: Bụi và khí thải phát sinh từ tháp sấy phun.

* Công trình thu gom và xử lý khí thải

- Đối với thiết bị lọc bụi khu vực nhà xưởng:
+ Quy mô, công suất: 55kW
+ Tổng lưu lượng: 38.500 m³/h.
+ Công nghệ xử lý: Chụp hút bụi → Nhà lọc bụi bằng Cyclon → Ống thoát khí ra môi trường.

- Đối với thiết bị thoát khí thải tại các lò sấy, lò nung:

+ số lượng: 11 ống khói thoát khí.

+ Tổng lưu lượng thoát khí: 231.077 m³/h

+ Công nghệ xử lý:

- Khí thải từ lò sấy ngói mộc → ống thoát khí ra môi trường.
- Khí thải từ lò sấy trước nung → ống thoát khí ra môi trường.
- Khí thải từ lò nung → một phần được thu hồi về lò sấy trước nung → lượng còn lại theo ống thoát khí ra môi trường.

- Đối với thiết bị xử lý bụi và khí thải từ tháp sấy phun:

+ Quy mô, công suất: 85.000 m³/h

+ Công nghệ xử lý: bụi và khí thải từ tháp sấy phun → 2 Cyclon lọc bụi → nhà lọc bụi → thoát ra môi trường qua ống khói.

- Đối với thiết bị xử lý bụi từ lò tăng sôi:

+ Quy mô, công suất: 24.000 m³/h

+ Công nghệ xử lý: Lò tăng sôi → Cyclon lọc bụi → khí than thành phẩm → cấp cho tháp sấy phun.

- Đối với thiết bị xử lý bụi từ lò khí hóa than:

+ Quy mô công suất: 40.944 m³/h

+ Công nghệ xử lý: Khí than → Cyclon lọc bụi → tháp trao đổi nhiệt → tháp gột rửa → tháp lọc bụi tĩnh điện → Bình thủy phong → khí than thành phẩm → Cấp cho lò sấy, nung.

** Tiếng ồn và độ rung*

+ *Tiếng ồn*: Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu là từ khu vực sản xuất trực tiếp, Khu vực phân loại dây chuyền 3; khu vực quả nghiền; khu vực Robot đóng gói tự động

+ *Độ rung*: chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các dây chuyền sản xuất.

Để chống rung, ồn do máy móc thiết bị gây ra, ngay từ khi khảo sát thiết kế xây dựng, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Móng máy đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Những khu điều hành sản xuất tại từng công đoạn cần được cách âm, để cán bộ điều hành, nhân viên vận hành máy không phải tiếp xúc thường xuyên với ồn và rung.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao, phải được trang bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn, đồng thời được nghỉ giải lao giữa giờ trong ca làm việc vừa đảm bảo sức khỏe vừa phát huy năng suất lao động.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/ lần

- Thời gian quan trắc:

Bảng 1. Thời gian quan trắc

TT	Quý	Ngày lấy mẫu quan trắc
1	Quý 1	03/3/2025 và 04/3/2025
2	Quý 2	19/6/2025 và 20/6/2025
3	Quý 3	16/9/2025 và 17/9/2025
4	Quý 4	10/11/2025 và 11/11/2025

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc: 44 mẫu

Bảng 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
			X	Y	
1	Khí thải tại nguồn	KTTN1	2351914	568952	Ống khói tại lò sấy ngói mộc 1 (Lò sấy dây chuyền 2)
2		KTTN2	2351937	568953	Ống khói tại lò sấy ngói mộc 2 (Lò sấy dây chuyền 3)
3		KTTN3	2351851	568913	Ống khói tại lò sấy ngói mộc 3 (Lò sấy dây chuyền 4)
4		KTTN4	2351912	568929	Ống khói tại lò sấy trước nung 1 (Sấy nung dây chuyền 2)
5		KTTN5	2351912	568924	Ống khói tại lò sấy trước nung 2 (Sấy nung dây chuyền 3)
6		KTTN6	2351905	568952	Ống khói tại các lò nung 1 (Đầu nung dây chuyền 2)
7		KTTN7	2351896	568936	Ống khói tại các lò nung 2 (Đầu nung dây chuyền 3)
8		KTTN8	2351849	568953	Ống khói tại các lò nung 3 (Đầu nung dây chuyền 4 – phụ kiện 2)
9		KTTN9	2351840	568979	Ống khói tại các lò nung 4 (Cuối nung dây chuyền 4 – phụ kiện 2)
10		KTTN12	2352087	569126	Ống khói tại khu vực xử lý khí thải tháp sấy phun
11		KTTN13	2351910	569007	Ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi khu vực nhà xưởng

- Quy chuẩn áp dụng: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của các thông số được xác định theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường đã được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mang mã VIMCERTS 028.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu vượt quy chuẩn: Không có điểm quan trắc nào vượt quy chuẩn cho phép. Qua kết quả phân tích đo đạc ta thấy tất cả các chỉ tiêu giám sát đều dưới ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3. Về quản lý chất thải rắn

Thông kê chất thải phát sinh (*Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh CTRSH, CTRCNTT thì phân biệt rõ đối với từng cơ sở*)

a) Thông kê CTRSH:

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Chất thải sinh hoạt		Công ty TNHH Môi trường và Dịch vụ Đô thị Vĩnh Phúc	12m3

b) Thông kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất			6.691.490
2	Phải xử lý - Than qua lửa (xi than)		Công ty TNHH Phương Thủy	5.207.090
	- Chất thải rắn công nghiệp thông thường		Công ty CP xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình	3220

c) Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (i)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Giẻ lau dính dầu	180201	1610	TĐ	Công ty Cổ phần Xử lý, Tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình. Mã QLCTNH: 218/GPMT-BTNMT	910
Dầu động cơ thải	170204	400	CC,TĐ, TC		
Dầu thủy lực thải	170107	1590	CC,TĐ, TC		2120
Bao bì kim loại cứng thải	180102	1004	TR, TC		1070
Bao bì nhựa cứng thải	180103	425	TR, TC		
Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	20	Nghiên, HR		
Bong thủy tinh thải	190301	2310	TĐ		5640
Ắc Quy thải	190601	200	Bóc tách – TC - TĐ		
Đầu mẫu que hàn	070401	1	Sơ chế – TC		
Tổng số lượng		7560			9.740

(i) Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

+ Công ty tiếp tục tự thu gom và lưu giữ trong kho lưu trữ chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng đảm bảo tránh nắng, tránh mưa (mái che, tường bao, nền lát gạch, có biển báo đầy đủ theo quy định,...).

+ Tiếp tục phối hợp với Công ty TNHH Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Phúc để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và Công ty Cổ phần Xử lý, Tái chế Chất thải Công nghiệp Hòa Bình xử lý CTNH.

4. Về phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

4.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy hoạt động theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy;

- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo các hệ thống xử lý hoạt động ổn định, liên tục.

- Với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài; trong trường hợp hệ thống bị sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

- Đối với hệ thống xử lý bụi khí thải: Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi khí thải, trong trường hợp hỏng quạt hút tại các vị trí phát sinh bụi, khí thải: Tạm dừng hoạt động của dây chuyền tại vị trí phát sinh bụi, khí thải có quạt hút bị hỏng và nhanh chóng tiến hành sửa chữa hoặc thay thế.

- Diễn tập định kỳ 1 lần / năm đối với từng tình huống sự cố, từng phân xưởng có nguy cơ rủi ro cao để đề cao trách nhiệm của công nhân viên trong toàn công ty đối với tình trạng khẩn cấp.

4.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Năm 2025 Công ty không xảy ra sự cố môi trường nào.

Công ty có kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường và thực hiện diễn tập định kỳ 1 lần / năm đối với từng tình huống sự cố.

CÔNG TY CỔ PHẦN PRIME NGÓI VIỆT



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Giang